

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỖ MINH ĐIỆP

**“NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG NÔNG
NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN PHÚ BÌNH”**

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
Mã số: 60 - 31 - 10

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. PHẠM THỊ LÝ

Thái Nguyên, năm 2008

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong sự vận động và phát triển của mỗi nền kinh tế của bất kỳ một quốc gia nào, vốn là một trong những yếu tố nguồn lực quan trọng và luôn khan hiếm. Bởi vậy, việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn là mục tiêu hàng đầu của các nhà quản lý kinh tế dù ở tầm vi mô hay vĩ mô. Trong nền kinh tế thị trường, tín dụng ngân hàng luôn là lĩnh vực hoạt động phong phú và là một trong những kênh phân phối, sử dụng vốn có hiệu quả nhất bởi nó giúp cho nguồn vốn luôn vận động, đáp ứng kịp thời cho các nhu cầu thiết thực của cá nhân, tổ chức, đồng thời tín dụng ngân hàng cũng được sử dụng như là một trong những công cụ kinh tế quan trọng góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

Huyện Phú Bình nằm ở phía đông nam tỉnh Thái Nguyên, giáp với thành phố Thái Nguyên và các huyện Đồng Hỷ, Phổ Yên và Hiệp Hoà (Bắc Giang). Phú Bình có diện tích tự nhiên là 249,36km², toàn huyện có 21 đơn vị hành chính, dân số khoảng trên 140 nghìn người, trong đó dân cư sống ở khu vực nông lâm nghiệp chiếm tới 90% dân số của huyện.

Phú Bình là một trong những huyện thuần nông của tỉnh Thái Nguyên, công nghiệp hầu như không có, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển manh mún, tập trung ở một số tụ điểm dân cư như trung tâm huyện, xã và ven các trục đường chính.

Trong những năm qua, vốn tín dụng và **chất lượng tín dụng không chỉ góp phần** thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện Phú Bình mà còn tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh NHNo&PTNT&PTNT trên địa bàn. Trong xu thế phát triển hiện nay của nền kinh tế cũng như những yêu cầu, thách thức rất lớn đối với chất lượng tín dụng của các NHTM thì việc xem xét đánh giá, nâng cao chất lượng tín dụng

được coi là yếu tố quan trọng mang lại lợi ích đối với ngân hàng và có ảnh hưởng rõ nét nhất đến sức khoẻ nền kinh tế.

Chính vì vậy, tôi chọn nghiên cứu đề tài: **“Nâng cao chất lượng tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Phú Bình”**.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu để tìm ra giải pháp nhằm nâng cao chất hoạt động tín dụng của NHNo&PTNT&PTNT huyện Phú Bình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận liên quan đến tín dụng ngân hàng thương mại và chất lượng tín dụng;
- Phân tích thực trạng hoạt động tín dụng của NHNo&PTNT&PTNT Phú Bình;
- Đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng NHNo&PTNT&PTNT Phú Bình.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Các hoạt động tín dụng của NHNo&PTNT&PTNT Phú Bình;
- Một số khách hàng có quan hệ tín dụng với NHNo&PTNT&PTNT Phú Bình.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Đề tài đề cập tới tín dụng của ngân hàng thương mại đối với phát triển lĩnh vực kinh tế nông nghiệp và nông thôn
- Thực tiễn hoạt động tín dụng của NHNo&PTNT&PTNT trên địa bàn huyện Phú Bình giai đoạn từ 2005-2007.

4. Những đóng góp khoa học của luận văn

- Nêu được các vấn đề lý luận cơ bản về tín dụng ngân hàng thương mại, chất lượng tín dụng.

- Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng, chất lượng tín dụng NHNo&PTNT&PTNT Phú Bình.

- Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của NHNo&PTNT&PTNT huyện Phú Bình trong giai đoạn tới.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về chất lượng tín dụng ngân hàng thương mại và phương pháp nghiên cứu

Chương 2: Thực trạng hoạt động tín dụng NHNo&PTNT&PTNT Phú Bình

Chương 3: Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng NHNo&PTNT&PTNT Phú Bình

Chương 1: ỒNG QUAN VỀ CHẤT L ƯỢNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. Tín dụng ngân hàng thương mại

1.1.1. Một số khái niệm về tín dụng ngân hàng thương mại

Tín dụng là một phạm trù kinh tế tồn tại và phát triển qua nhiều hình thái kinh tế - xã hội và có nhiều quan điểm khác nhau tùy theo từng cấp độ nghiên cứu.

“Tín dụng là sự chuyển nhượng tạm thời một lượng giá trị từ người sở hữu sang người sử dụng để sau một thời gian sẽ thu hồi một lượng giá trị lớn hơn lượng giá trị ban đầu⁽¹⁾”.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài này, chúng tôi chỉ đề cập đến tín dụng ngân hàng là mối quan hệ giữa một bên là ngân hàng, còn một bên là các cá nhân, hộ gia đình và các pháp nhân khác nhau trong nền kinh tế quốc dân, trong đó:

+ Cá nhân được hiểu là chủ thể độc lập tham gia các quan hệ dân sự khi có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự.

+ Hộ gia đình được hiểu là bao gồm các thành viên có quan hệ huyết thống, có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để hoạt động kinh tế chung trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hoặc một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định là chủ thể khi tham gia quan hệ dân sự thuộc các lĩnh vực này.

+ Tổ hợp tác được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn của từ ba cá nhân trở lên, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm là chủ thể trong các quan hệ dân sự.

⁽¹⁾ Khái niệm theo giáo trình “**Nghiệp vụ kinh doanh Ngân hàng nâng cao - Học viện Ngân hàng**”

+ Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện: được thành lập hợp pháp; có cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

+ Ngân hàng có thể hiểu là một doanh nghiệp được cho phép và được thành lập theo các quy định của Pháp luật đứng ra để hoạt động kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ nhận tiền gửi và sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng cũng đầy đủ các điều kiện là một pháp nhân.

Bản chất của tín dụng là quan hệ vay mượn có hoàn trả cả vốn và lãi sau một thời gian nhất định, là quan hệ chuyển nhượng tạm thời quyền sử dụng vốn, là quan hệ bình đẳng và hai bên cùng có lợi. Trong nền kinh tế hàng hoá có nhiều loại hình tín dụng như: Tín dụng thương mại, tín dụng ngân hàng, tín dụng Nhà nước, tín dụng chính sách,... Các loại tín dụng đều có những điểm chung và khác biệt nhất định:

+ Tín dụng thương mại là loại tín dụng rất phổ biến trong tín dụng quốc tế, là loại tín dụng giữa các nhà doanh nghiệp cấp cho nhau vay, không có sự tham gia của ngân hàng hoặc cũng có thể hiểu là loại tín dụng được cấp bằng hàng hóa dịch vụ chứ không phải bằng tiền. Có ba loại tín dụng thương mại: Tín dụng thương mại cấp cho nhà nhập khẩu (gọi là tín dụng xuất khẩu), Tín dụng thương mại cấp cho người xuất khẩu (gọi là tín dụng nhập khẩu), Tín dụng nhà môi giới cấp cho người xuất khẩu và nhập khẩu.

+ Tín dụng ngân hàng cũng mang bản chất chung của quan hệ tín dụng nói chung. Đó là quan hệ tin cậy lẫn nhau trong vay và cho vay giữa các ngân hàng, tổ chức tín dụng với các doanh nghiệp và các cá nhân, được thực hiện dưới hình thức tiền tệ và theo nguyên tắc hoàn trả và có lãi.

+ Tín dụng Nhà nước là quan hệ tín dụng giữa Nhà nước với dân cư hoặc chủ thể kinh tế khác, trong đó Nhà nước là người đi vay vốn. Tín dụng Nhà nước được thực hiện thông qua hai hình thức: Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu địa phương.

+ Tín dụng chính sách cũng là một dạng của tín dụng ngân hàng tuy nhiên điểm khác biệt là Nhà nước dùng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, vốn vay, vốn tài trợ... và đứng ra uỷ thác thông qua một ngân hàng chức năng (NHCSXH) hay một NHTM để cho vay các cụ thể do Nhà nước quy định (hộ nghèo, doanh nghiệp công ích, doanh nghiệp xuất nhập khẩu chiến lược...) với lãi suất thường thấp hơn lãi suất của các NHTM (phần chênh lệch lãi suất Nhà nước sẽ cấp bù bằng ngân sách Nhà nước).

1.1.2. Phân loại tín dụng

1.1.2.1. Căn cứ vào thời gian sử dụng vốn

Phân chia theo thời gian có ý nghĩa quan trọng đối với ngân hàng vì thời gian liên quan mật thiết đến tính an toàn và sinh lợi của tín dụng cũng như khả năng hoàn trả của khách hàng, vì thế phân thành:

+ Tín dụng ngắn hạn: từ 1 năm trở xuống. Tín dụng ngắn hạn thường được áp dụng tài trợ cho tài sản lưu động vì thường có vòng quay trên 1 vòng/1 năm.

+ Tín dụng trung hạn: từ trên 1 năm đến 5 năm, loại hình này được dùng để tài trợ cho các nhu cầu đầu tư tài sản cố định như: phương tiện vận tải, máy móc, trang thiết bị, cây trồng vật nuôi lâu năm....

+ Tín dụng dài hạn: trên 5 năm. Công trình xây dựng như: nhà ở, nhà xưởng, sân bay, cầu đường, dây chuyền máy móc có giá trị lớn, có thời gian sử dụng lâu dài.... được xem xét cấp tín dụng dài hạn.

1.1.2.2. Căn cứ vào tài sản bảo đảm

Nếu căn cứ vào tính chất bảo đảm an toàn của khoản vay, có thể chia tín dụng thành hai loại:

+ Tín dụng có tài sản bảo đảm. Khoản vay có thể được thế chấp bằng một lượng tài sản có thể chuyển đổi thành tiền của chính bên vay hoặc bên thứ ba như: may mốt, gia súc, hàng hoá, sản phẩm, bất động sản, hay thậm chí chính tài sản hình thành từ vốn vay....

+ Tín dụng không có tài sản bảo đảm. Các khoản vay không có tài sản bảo đảm được xem xét cấp cho các khách hàng có uy tín, khách hàng làm ăn thường xuyên có lãi, tình hình tài chính lành mạnh, có lịch sử quan hệ tín dụng tốt với các ngân hàng hoặc các khoản cho vay theo chỉ thị của Chính phủ.

1.1.2.3. Căn cứ vào hình thức cho vay

+ Chiết khấu thương phiếu và các loại giấy tờ có giá, theo đó ngân hàng ứng trước tiền cho khách hàng tương ứng với giá trị của thương phiếu hoặc giấy tờ có giá trừ đi phần chênh lệch thu nhập dự tính đem lại cho ngân hàng khi ngân hàng trở thành chủ sở hữu của thương phiếu và các giấy tờ có giá chưa đến hạn.

+ Cho vay là việc ngân hàng đưa tiền cho khách hàng với cam kết khách hàng phải hoàn trả cả gốc và lãi trong những khoảng thời gian xác định.

+ Bảo lãnh là việc ngân hàng cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính thay khách hàng của mình trong trường hợp khách hàng thực hiện không đúng nghĩa vụ cam kết với các bên đối tác khác.

+ Cho thuê tài chính là việc ngân hàng bỏ tiền mua tài sản để cho khách hàng thuê theo những thoả thuận nhất định về trả tiền thuê và có thoả thuận xử lý tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

1.1.2.4. Căn cứ vào mức độ rủi ro

Để phân loại theo tiêu thức này, ngân hàng cần nghiên cứu xây dựng các mức độ rủi ro theo mức độ từ thấp đến cao cho các khoản mục tài sản bao gồm cả nội và ngoại bảng, trên cơ sở đó có biện pháp phòng ngừa và trích lập dự phòng tổn thất kịp thời.

+ Tín dụng lành mạnh: các khoản tín dụng có khả năng thu hồi cao.

+ Tín dụng có vấn đề: các khoản tín dụng có dấu hiệu không lành mạnh như khách hàng chậm tiêu thụ hàng hoá, tiến độ thực hiện kế hoạch chậm, khách hàng chịu rủi ro, thiên tai....

+ Các khoản nợ đủ tiêu chuẩn và cần chú ý là các khoản nợ tốt hoặc bị quá hạn thời gian ngắn nhưng khách hàng có kế hoạch khắc phục tốt.

+ Các khoản nợ xấu: là các khoản nợ quá hạn thời gian dài, khả năng trả nợ rất kém, khách hàng chây ì không trả nợ, có khả năng mất vốn.

+ Các khoản nợ khó đòi: là các khoản nợ mà ngân hàng đã sử dụng quỹ dự phòng rủi ro để xử lý và được hạch toán theo dõi ngoại bảng.

1.1.3. Vai trò của vốn tín dụng ngân hàng trong phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn

Ngân hàng đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình phát triển của nền kinh tế quốc dân. Đối với Nhà nước thì tín dụng ngân hàng còn là một công cụ đắc lực, hữu hiệu trong quản lý kinh tế. Đối với các doanh nghiệp, cá nhân thì tín dụng ngân hàng là nguồn vốn đáp ứng cho sự thiếu hụt tạm thời về vốn sản xuất và tiêu dùng. Mặc dù vai trò của hệ thống ngân hàng thương mại của ảnh hưởng rất lớn đến toàn diện nền kinh tế của mỗi quốc gia, được các nhà kinh tế ví như mạch máu của nền kinh tế.

1.1.3.1. Vốn tín dụng góp phần khai thác mọi tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên và lao động

Tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn nước ta rất lớn, nếu có chính sách đầu tư tín dụng hợp lý thì chắc chắn sẽ khai thác triệt để và phát huy được hiệu quả của các yếu tố nguồn lực ở nông thôn để phát triển kinh tế - xã hội. Nguồn vốn vay sẽ giúp cho sức lao động được giải phóng, kết hợp với đất đai được giao quyền sử dụng lâu dài cho từng hộ sản xuất sẽ tạo ra được nhiều nông sản phẩm cho tiêu dùng và cho xuất khẩu của đất nước.

Muốn đưa nền kinh tế nông thôn từ tự cung tự cấp sang nền kinh tế hàng hoá, trước hết phải có hai yếu tố cơ bản là cơ chế quản lý và vốn, đây là hai yếu tố quyết định. Cơ chế khoán theo Nghị quyết 10 đã tạo ra bước ngoặt lớn thúc đẩy sản xuất phát triển. Hộ sản xuất là đơn vị kinh tế tự chủ, họ được quyết định sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm, chính điều đó đã góp phần làm cho sản xuất ngày càng phát triển. Sự chuyển biến cơ chế quản lý tất yếu dẫn đến thay đổi về quan hệ tín dụng hiện nay tín dụng ngân hàng chủ yếu tập trung cho phát triển kinh tế nông thôn.

1.1.3.2. Vốn tín dụng tạo điều kiện phát triển các ngành nghề nhằm giải quyết các công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cải thiện đời sống

Chính việc xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật, xây dựng cơ sở chế biến nông sản đã thu hút một số lao động dư thừa trong nông thôn, tạo công ăn việc làm cho nhân dân. Mặt khác, dựa vào lợi thế so sánh giữa các vùng, các địa phương người dân đã phát triển các ngành nghề truyền thống, nghề mới là nơi thu hút nhiều lao động dư thừa ở nông thôn. Nhờ cơ chế thị trường người dân đã mở mang tầm hiểu biết hơn, do vậy có rất nhiều ngành nghề mới ra đời đáp ứng được nhu cầu thị trường, từ đó thu hút nhiều lao động, tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cải thiện đời sống. Chính vì vậy mà vốn tín